

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG
Số: 199/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sơn Trà, ngày 18 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Phạm Bảo L**, sinh năm: 1988;

Trú tại: Tổ 34, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng.

+ Bà **Phạm Thị Bích N**, sinh năm: 1990;

Trú tại: Tổ 34, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2011 cấp ngày 22/7/2011. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải, ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định: Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng ông bà nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng ông bà không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, xích mích với nhau. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay ông Lâm, bà Ngọc xác định không còn yêu thương nhau nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Lâm và bà Ngọc lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông Lâm và bà Ngọc đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Lâm và bà Ngọc đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lâm và bà Ngọc là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định có 01 con chung là: Phạm Ngọc Bảo H, sinh ngày: 22/5/2011. Ly hôn, ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N thỏa thuận thống nhất giao con chung Phạm Ngọc Bảo H cho bà Phạm Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Phạm Ngọc Bảo H đủ 18 tuổi. Ông Phạm Bảo L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung Phạm Ngọc Bảo H đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2019. Vào ngày 10 hàng tháng. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N là thỏa thuận tự

nguyên, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0007953 ngày 10/7/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Phạm Bảo L** và bà **Phạm Thị Bích N**. *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 59, quyển số: 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/7/2011 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định có 01 con chung là: Phạm Ngọc Bảo H, sinh ngày: 22/5/2011. Ly hôn, ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N thỏa thuận thống nhất giao con chung Phạm Ngọc Bảo H cho bà Phạm Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Phạm Ngọc Bảo H đủ 18 tuổi. Ông Phạm Bảo L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung Phạm Ngọc Bảo H đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2019. Vào ngày 10 hàng tháng;

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định vợ chồng không có.

- Về nợ chung: Ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Phạm Bảo L và bà Phạm Thị Bích N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0007953 ngày 10/7/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM

